TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - GIA LAI
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 315/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-12-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Thanh Tâm

Ông Phan Văn Siêng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hoa - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bức T, sinh năm 1998

Số căn cước công dân: 052198004491, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 15/01/2023.

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường H, tỉnh Gia Lai

2. Bị đơn: Anh Cao Thế V, sinh năm 1998

Số căn cước công dân: 052098011999, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/10/2022.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường H, tỉnh Gia Lai.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bức T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định vào ngày 13/6/2022 (Giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 13/6/2022). Sau một thời gian chung sống,vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không hạnh phúc. Anh V ham chơi cờ bạc, nợ nần, không có trách nhiệm với vợ con. Chị T nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh V không chịu thay đổi. Do đó, nay chị T yêu cầu ly hôn anh V vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Cao Phương M, sinh ngày 17/01/2024, hiện con đang ở với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng cho con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Cao Thế V không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của chị T, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo.

+ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Gia Lai: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho ly hôn với anh V; về con chung: giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu; về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh V đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố C, phường H, tỉnh Gia

Lai nên theo Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Qua xác minh tại Công an phường H thì anh V có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố C, phường H, tỉnh Gia Lai, tàng thư không có thông tin, tài liệu thể hiện anh V đã chuyển khẩu đi nơi khác. Vì anh V thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, nên Tòa án đã tiến hành giao các thông báo, giấy triệu tập của Tòa án cho mẹ ruột, sống cùng nhà, cùng hộ khẩu anh V nhận thay và bà cam kết thông báo cho anh V được biết. Tuy vậy, anh V vẫn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91; 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Về hôn nhân: Chị T và anh V tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Tuy nhiên, sau khi kết hôn, vợ chồng không hạnh phúc nhưng cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị T và anh V phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, không có tiếng nói chung, vợ chồng không có tình nghĩa, không có sự thương yêu, quý trọng hay chăm sóc, giúp đỡ nhau cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị T được ly hôn anh V.

[5] Việc nuôi con chung: Có 01 con chung tên Cao Phương M, sinh ngày 17/01/2024 hiện đang ở với chị T. Thời gian qua cháu M do chị T chăm sóc nuôi dưỡng, phát triển bình thường, chị T có công việc ổn định, có nguyện vọng và có đủ điều kiện để nuôi con chung. Để đảm bảo cho sự phát triển bình thường, cuộc sống ổn định của cháu M nên giao cháu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, Gia Lai về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bức T.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bức T được ly hôn anh Cao Thế V.

- Về nuôi con chung: Giao 01 con chung tên Cao Phương M, sinh ngày 17/01/2024 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng cho con theo qui định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002484, ký hiệu: BLTU/25E ngày 01 tháng 10 năm 2025 , tại Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 6;
- UBND phường Hoài Nhơn Đông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Phường